TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2020/DS-ST
Ngày: 08/12/2020
V/v tranh chấp Hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Hồ Thị L3.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "tranh chấp Hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 3, xã BHĐ, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp 3, xã BHĐ, huyện M, tỉnh L.

2.2. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 3, xã BHĐ, huyện M, tỉnh L.

Ông Th có mặt, bà K và ông M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh Th: Ông Nguyễn Huỳnh Th yêu cầu bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M phải liên đới trả cho ông Th số tiền hụi là 8.000.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M: Bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Huỳnh Th: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), giấy hụi (bản photo), bản tự khai.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết ông Nguyễn Huỳnh Th trình bày: Ông Th có tham gia dây hụi khui ngày 25/02/2017 âm lịch do bà K và ông M làm chủ, gồm 12 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, ba tháng khui một lần. Ông Th được hốt chót là 22.000.000 đồng nhưng bà K ông M chỉ giao 14.000.000 đồng còn lại 8.000.000 đồng không giao. Nay ông Th yêu cầu bà K và ông M liên đới trả 8.000.000 đồng.

Ông Th xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Th đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hụi" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M có địa chỉ tại xã BHĐ, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M: Bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K và ông M.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh Th:

[3.1]. Ông Nguyễn Huỳnh Th khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy hụi và các biên nhận tiền hụi; bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông Th nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của ông Th cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2]. Theo nội dung giấy hụi thì ông Th có tham gia dây hụi do bà K làm chủ, khui ngày 25/02/2017 âm lịch do bà K và ông M làm chủ, gồm 12 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, ba tháng khui một lần. Ông Th được hốt chót là 22.000.000 đồng nhưng bà K ông M chỉ giao 14.000.000 đồng còn lại 8.000.000 đồng không giao.

[3.3]. Thời điểm ông Th tham gia hụi, ông M và bà K là vợ chồng đang chung sống cho nên chấp nhận lời trình bày của ông Th về việc bà K tổ chức hụi để phục vụ cho kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với bà K và ông M, buộc bà K và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th số tiền 8.000.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Ông Th yêu cầu trả một lần, bà K và ông M vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu số tiền 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Nguyễn Huỳnh Th không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hụi của ông Nguyễn Huỳnh Th đối với bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M, buộc bà K và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu số tiền 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Nguyễn Huỳnh Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Th số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003216 ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi và trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1